

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai giảm dự toán ngân sách nhà nước năm 2020

CHÁNH THANH TRA TỈNH KHÁNH HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 24/3/2015 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc kiện toàn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Thanh tra tỉnh và Quyết định số 2678/QĐ-UBND ngày 11/9/2018 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc sáp nhập các phòng thuộc Thanh tra tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2632/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND tỉnh Khánh Hòa về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020 của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 146/QĐ-TTT ngày 07/10/2020 của Thanh tra tỉnh về việc điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2020;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai giảm số liệu dự toán ngân sách năm 2020 của Thanh tra tỉnh (theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Phụ trách kế toán và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHÁNH THANH TRA

Nơi nhận (VBĐT):

- Như Điều 3;
- KBNN tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Trang TTĐT TTT (công khai)
- Lưu: VT, KT.

Lê Hữu Trí

PHỤ LỤC

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020

(Kèm theo QĐ số 148/QĐ-TTT ngày 09/10/2020 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Mã ĐVSDNS: 1040021

Chương 437 Khoản 341

Đvt: triệu đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I.	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách nhà nước phí, lệ phí	
	Số thu phí, lệ phí	
	Chi từ nguồn thu phí, lệ phí được để lại	
	Số phí, lệ phí nộp NSNN	
II.	Dự toán chi ngân sách nhà nước	(67)
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Trong đó: - Kinh phí theo định mức	(25)
	- Kinh phí tiền lương theo NĐ 47/2017/NĐ-CP; NĐ 72/2018/NĐ-CP	(42)
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	
III.	Chi quản lý hành chính	(67)
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	
	Trong đó:	
	Kinh phí theo định mức	(25)
	Kinh phí tiền lương theo NĐ 47/2017/NĐ-CP; NĐ 72/2018/NĐ-CP	(42)
2	Kinh phí thực hiện chế độ cải cách tiền lương	
	Bổ sung kinh phí tiền lương theo NĐ 38/2019/NĐ-CP	
3	Kinh phí không thực hiện tự chủ	